TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27- 5- 2021
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh

2. Bà Trần Thị Thanh Thắm

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện CưM'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST- DS, ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995 – Có đơn xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Bùi Mạnh Tr, sinh năm 1988 – vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Lê Thị T là nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn Tr kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 14/8/2014. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh Tr bài bạc, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, chị T và anh Tr sống ly thân từ tháng 12 năm 2019. Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại đã lâu, chị T không thể chịu đựng anh Tr hơn được nữa nên đề nghị ly hôn với anh Bùi Mạnh Tr.

Về con chung: Chị T và anh Tr có một con chung là cháu Th, sinh ngày 01/3/2015, cháu Th khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở với anh Tr, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, chị T làm công nhân với thu nhập 8.000.000 đồng/tháng, đảm bảo được cuộc sống cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tố tụng bị đơn Bùi Văn Tr là bị đơn trình bày:

Về qúa trình kết hôn, con chung, tài sản chung anh Tr hoàn toàn thống nhất với lời khai của chị Lê Thị T. Về mâu thuẫn gia đình anh Tr nhận thấy trong thời gian vừa qua có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, đôi khi có chửi bới, xô xát với vợ. Tuy nhiên, anh Tr vẫn còn tình cảm, còn thương yêu vợ, nên không đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T. Chị T được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Giao cháu Th, sinh ngày 01/3/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Bùi Mạnh Tr Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Bùi Mạnh Tr kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện CưM'gar, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Qúa trình chung sống, chị T và anh Tr sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tr thường chơi cờ bạc, không chăm lo đến gia đình nên vợ chồng thường xích mích đôi khi dẫn đến xô xát, vợ chồng anh Tr, chị T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh Tr không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, nếu anh Tr là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì chắc rằng mọi sai sót sẽ được khắc phục kịp thời. Tuy nhiên, anh Tr lại bỏ mặc làm cho tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Như vậy việc chị T xin ly hôn với anh Tr là chính đáng cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Giữa chị T và anh Tr có 01 con chung là cháu Th, sinh ngày 01/3/2015. Xét yêu cầu của đương sự cũng như điều kiện để chăm sóc con chung thì chị T có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Th cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T;

Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Bùi Mạnh Tr.

Về con chung: Giao cháu Th, sinh ngày 01/3/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0016540, ngày 21/12/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk ;
- VKS huyện CưM’gar;
- T.H.A dân sự huyện CưM’gar ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Tha